

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HSST
Ngày 22 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1949 và con bà Đặng Thị B (đã chết); có vợ Rơ Mah H; bị cáo có 03 người con; tiền sự: Không; Tiền án: 01, ; Nhân thân: Ngày 11/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 23/11/2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/02/2021 đến ngày 04/03/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bị hại: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1967; địa chỉ: 275/15 Hùng V, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 2, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q là người đã bị kết án về các tội: “*Trộm cắp tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và chưa được xóa án tích. Tối ngày 22/02/2021, Q điều khiển xe mô tô biển số 81B2-521.03 đi từ huyện P, tỉnh Gia Lai đến chợ đêm TP.P để mua hàng. Khoảng 02 giờ ngày 23/02/2021, Q điều khiển xe mô tô 81B2-521.03 đi đến khu vực ngã tư đường Hoàng Văn T và đường Trần P, thuộc Tổ 3, phường D, TP.P, thì nhìn thấy 01 (một) thùng xốp kích thước (48x36x30)cm, bên trong đựng tôm đất đang để trên vỉa hè trước số nhà 37 đường Trần P, nhưng không có người trông coi; đây là tài sản của ông Phạm Ngọc T (sinh năm 1967, trú số 275/13 đường H, phường H, TP.P) đang chuẩn bị bán tại chợ đêm. Q nảy sinh ý định trộm cắp thùng xốp đựng tôm này, nên đi đến bên thùng xốp để lên yên xe mô tô 81B2-521.03 và định điều khiển xe bỏ chạy. Tuy nhiên, khi Q vừa bên thùng xốp để lên yên xe mô tô 81B2-521.03 và chưa kịp bỏ chạy, thì bị một số người dân buôn bán chợ đêm ở gần đó phát hiện, bắt giữ, giao cho Công an phường D, TP.P xử lý. Ngay sau đó, Công an phường D, TP.P đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Q, thu giữ vật chứng là 01 (một) thùng xốp, bên trong đựng 10kg (mười ki-lô-gam) tôm đất. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn thu giữ của Q xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu đen-đỏ, số máy JA36E0675455, số khung 3658GY145093, biển số 81B1-521.03 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Qua định giá, xác định 10kg (mười ki-lô-gam) tôm đất của ông Phạm Ngọc T bị Nguyễn Văn Q chiếm đoạt vào ngày 23/02/2021 có trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 01 (một) thùng xốp kích thước (48x36x30)cm của ông T bị Q chiếm đoạt vào ngày 23/02/2021 có trị giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku đã xử lý trả lại cho ông T thùng xốp và số tôm đất nêu trên.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81B2-521.03, là phương tiện Nguyễn Văn Q sử dụng đi trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn T vào ngày 23/02/2021, qua điều tra Q khai đã mua xe mô tô trên của một người thanh niên (Q không biết rõ họ tên, địa chỉ) với giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), nhưng do Q chưa trả đủ tiền nên người này chưa giao Giấy đăng ký xe; hiện Q không liên lạc được với người thanh niên trên. Qua tra cứu, xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81B2-521.03 nêu trên do ông Hà Ngọc Th (sinh năm 1983, trú Thôn 5, xã Ia N, huyện C, tỉnh Gia Lai) đứng tên đăng ký. Tuy nhiên hiện ông Th và gia đình không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa làm việc được với ông Th, nên chưa xác định được chính xác hiện tại ai là chủ sở hữu xe mô tô 81B2-521.03 và xe này có bị chiếm đoạt trái phép hay không. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P quản lý xe mô tô 81B2-521.03 để tiếp tục xác minh và xử lý sau. Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, qua điều tra xác định là tài sản của Q, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra chuyển theo vụ án để xử lý.

Về dân sự: Sau khi được nhận lại thùng xốp và số tôn đất bị chiếm đoạt, ông Phạm Ngọc T không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2021.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (điện thoại cũ, đã qua sử dụng) và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 02 giờ, ngày 23/02/2021 tại vỉa hè của số nhà 37, đường Trần P, phường D, thành phố P, bị cáo Nguyễn Văn Q đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt thùng xốp bên trong đựng tôn đất của ông Phạm Ngọc T trị giá 2.050.000 đồng, vừa bê thùng xốp tôn để trên yên xe mô tô thì bị phát hiện bắt giữ. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Phạm Ngọc T trị giá 2.050.000 đồng, bị cáo hoàn toàn đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật,

nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên đã bất chấp pháp luật chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân một cách trái pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 29/3/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2020, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Q có nhân thân xấu, ngày 11/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 23/11/2011 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản và không có nghề nghiệp, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81B2-521.03, là phương tiện bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản của ông T, bị cáo khai mua xe mô tô trên của một người thanh niên không biết rõ họ tên, địa chỉ với giá 8.000.000 đồng. Qua tra cứu, xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81B2-521.03 nêu trên do ông Hà Ngọc Th (sinh năm 1983, trú Thôn 5, xã Ia N, huyện C, tỉnh Gia Lai) đứng tên đăng ký. Tuy nhiên hiện ông Th và gia đình không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa làm việc được với ông Th, nên chưa xác định được chính xác hiện tại ai là chủ sở hữu xe mô tô 81B2-521.03 và xe này có bị chiếm đoạt trái phép hay không. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P quản lý xe mô tô 81B2-521.03 để tiếp tục xác minh và xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 23/02/2021).

2. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 77/2021 ngày 11/5/2021 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu

